

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/HSST
Ngày: 29 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Quang Minh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Dương Quốc Phòng
Bà Nguyễn Thị Hải

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thùy Liên - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Bố Trạch;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa:***
ông Trần Cẩm Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2022/TLST - HSST ngày 14 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn C; sinh ngày 06 tháng 12 năm 1996, tại Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; vợ Trần Thị P, sinh năm 1999; có 02 con (đứa lớn sinh năm 2018, đứa nhỏ sinh năm 2021) tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Bà Mai Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Tạ Văn Ng, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Thôn 10, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h30' ngày 06/6/2022, sau khi ăn cơm tại nhà ông Nguyễn Văn T tại thôn 10, xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Văn C nhờ Nguyễn Văn S chở đến nhà chị Mai Thị H tại thôn 10, xã Xuân Trạch để mượn đèn pin đi soi ếch. Sau khi chở C đến trước nhà chị H, S đi về còn C đi bộ vào nhà chị H. Khi thấy nhà chị H không có ai, C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã mở cánh cửa tủ bên phải đặt ở phòng khách phát hiện 01 con heo nhựa màu xanh dương. C lấy con heo nhựa từ trong tủ ra rút tiền từ trong heo được 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng rồi ra về. Số tiền lấy được C tiêu xài cá nhân hết 1.160.000 (một triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng, còn lại trả nợ cho chị Nguyễn Thị Nh 200.000 đồng, trả cho anh Tạ Văn Ng 400.000 đồng, trả cho anh Nguyễn Văn N 300.000 đồng; mua bia và đá lạnh hết 270.000 đồng. Số tiền 420.000 đồng còn lại C giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ 01 con heo nhựa màu xanh dương, kích thước 10 x 12 x 14cm, miệng có 01 lỗ hở tròn đường kính 02cm; 1.590.000 đồng tiền Việt nam. Hiện các vật chứng này chưa xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn C đã bồi thường đầy đủ, bị hại và những người liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKSBT ngày 11/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày UBND xã nhận được Quyết định thi hành án và Bản sao bản án; Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: trả lại 01 con heo nhựa cho bà Mai Thị H; Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 1.590.000 đồng do phạm tội mà có; Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng xét sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 19h30' ngày 06/6/2022, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn C đã lén lút lấy trộm 01 con heo nhựa màu xanh dương bên trong có tiền tiết kiệm của chị Mai Thị H. Kết quả điều tra xác định được số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch truy tố bị cáo ra trước Tòa án là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Liên quan đến hành vi phạm tội của Bị cáo có hành vi của anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995, trú tại thôn 9, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, là người chở Nguyễn Văn C đến nhà của chị Mai Thị H. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định được việc S chở C đến nhà chị H là do C nhờ, S không biết về việc C vào nhà và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bồ Trạch không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S là phù hợp.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hoàn

toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện và bất chấp pháp luật nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Thiệt hại mà bị cáo gây ra là không lớn và bị cáo đã bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình nhưng gây ra; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1 của Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân: Bị cáo chưa từng bị xử lý hình sự và hành chính.

[6] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách giản đơn là tội phạm ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, ngay sau khi bị phát hiện đã bồi thường đầy đủ cho bị hại để khắc phục hậu quả do mình gây ra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tỏ ra rất thành khẩn và ân hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người không có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét 01 con heo nhựa màu xanh dương là tài sản của bị hại Mai Thị H nên cần trả lại cho chủ sở hữu; Đối với số tiền 1.590.000 đồng là do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điều 38; Điều 47; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã Xuân Trạch phối hợp với gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

4. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

5. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà Mai Thị H 01 con heo nhựa màu xanh dương, kích thước 10 x 12 x 14cm, miệng có 01 lỗ hở tròn đường kính 02cm hiện đang có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 25/11/2022 giữa Chi cục thi hành án dân sự với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch;

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.590.000 (một triệu năm trăm chín mươi nghìn) đồng tiền Việt nam hiện có tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Bố Trạch theo Biên lai thu tiền số 31AA/2021/0002530 và Ủy nhiệm chi lập ngày 25/11/2022.

6. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

7. Về án phí: xử buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV 06 (Phòng HSNV CAQB);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- CA huyện Bố Trạch;
- THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Xuân Trạch;
- Bị cáo, Bị hại;
- THA hình sự; Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Quang Minh